TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2024/HC-PT
Ngày: 26-6-2024
V/v: "Khiếu kiện hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Văn Hợp**
Các Thẩm phán: ông **Phạm Tồn**
ông **Trần Đức Kiên**

- Thư ký phiên tòa: bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*:** ông **Nguyễn Thế Vinh** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 48/2024/TLPT-HC ngày 19 tháng 02 năm 2024 về việc: *"Khiếu kiện hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 119/2023/HC-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1128/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Thu D, sinh năm 1984; nơi ĐKHKTT: Số G T, tổ C phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố T.

Địa chỉ: số G H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Trung H – Phó Chủ tịch.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông Lê Văn T – Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T.

+ Ông Nguyễn Văn T1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T.

+ Bà Trịnh Thị Xuân L – Chuyên viên Phòng tài nguyên và môi trường thành phố T.

+ Ông Nguyễn Đức A – Chuyên viên Phòng quản lý đô thị thành phố T.

2. Văn phòng Đ.

Địa chỉ: số I H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn C – Phó Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu D *trình bày:*

Bà D được quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại địa chỉ 1 L, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận số AL 846399 do UBND thành phố T cấp ngày 12/02/2008, chứng nhận chỉnh lý bổ sung ngày 29/5/2019 tại trang 4 giấy chứng nhận số AL 846399 tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 27, diện tích 80,0m^2, loại đất ở tại đô thị; tài sản gắn liền với đất là nhà 01 tầng, mái ngói, tường xây gạch dày 220 (01 tường chung), nền xi măng; diện tích nhà: 70,48m^2.

Năm 2019, bà thực hiện thủ tục hành chính cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất địa chỉ 1 L, thành phố T, tỉnh Quảng Nam tại Trung tâm hành chính công thành phố T, nhưng không được chấp nhận. Bà D cho rằng từ khi mua ngôi nhà này cho đến nay hiện trạng ngôi nhà vẫn giữ nguyên vẹn, không sửa chữa gì đến kết cấu của ngôi nhà, khi mua thì nhà đã có gác lửng sẵn, vì vậy bà D cho rằng có đủ điều kiện cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà, nhưng UBND thành phố T và Văn phòng Đ không cấp đổi cho bà là không đúng quy định của pháp luật.

Việc UBND thành phố T và Văn phòng Đ không cấp đổi cho bà đã làm thiệt hại kinh tế của bà 5.627.520.000 đồng bao gồm:

+ Tổn thất phi cơ hội giao dịch cho thuê; Chênh lệch giá thuê có liên quan diện tích nhà, thời gian tính toán 02 năm (giá trị đề nghị bồi thường sẽ được điều chỉnh đến thời điểm tháng 9/2022 là 03 năm);

+ Tổn thất phí cơ hội giao dịch mua bán theo giá thị trường kể từ thời điểm bà D trình hồ sơ để đề nghị cơ quan chức năng thẩm quyền xem xét và thực hiện thủ tục hành chính cấp đổi giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng

nhà, đất và tài sản khác gắn liền với đất địa chỉ 1 L, thành phố T, tỉnh Quảng Nam đến thời điểm 9/2022

Đến ngày 28.6.2023 bà Nguyễn Thị Thu D bổ sung yêu cầu bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 20.239.730.302 đồng tính tới thời điểm tháng 6/2023.

Do đó, bà Nguyễn Thị Thu D yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T và Văn phòng Đ giải quyết hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 27, địa chỉ: số A L, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam cho bà Nguyễn Thị Thu D theo đúng quy định của pháp luật;

- Buộc UBND thành phố T và Văn phòng Đ phải bồi thường thiệt hại cho bà D số tiền 20.239.730.302 đồng do hành vi không thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất, nhà và tài sản khác gắn liền với đất của Ủy ban nhân dân thành phố T và Văn phòng Đ đã gây ra.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố T *không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện:*

Nguồn gốc sử dụng nhà và đất của bà Nguyễn Thị Thu D tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 27, diện tích 80,0m^2, loại đất ở tại đô thị; tài sản gắn liền với đất là nhà 01 tầng, mái ngói, tường xây gạch dày 220 (01 tường chung), nền xi măng; diện tích nhà: 70,48m^2, địa chỉ: số A L, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam là do được nhận tặng cho và đã được chỉnh lý tại trang 4 giấy chứng nhận số AL 846399. Năm 2019, bà Nguyễn Thị Thu D làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Tuy nhiên, khi kiểm tra thực tế, Chi nhánh văn phòng Đ nhận thấy hiện trạng ngôi nhà trên đất của bà D đang sử dụng không phù hợp với hồ sơ đã cấp Giấy chứng nhận, cụ thể là không còn tường chung và diện tích xây dựng nhà ở lớn hơn so với giấy chứng nhận đã được cấp, nên Chi nhánh Văn phòng Đ có văn bản chuyển trả hồ sơ cho Trung tâm hành chính công thành phố T, từ đó bà Nguyễn Thị Thu D đã làm đơn kiến nghị. Các nội dung kiến nghị của bà Nguyễn Thị Thu D đã được UBND thành phố giao nhiệm vụ cho các phòng chuyên môn, UBND phường A và Chi nhánh Văn phòng Đ kiểm tra giải quyết theo đúng quy định, đồng thời đã hướng dẫn bà D lập các thủ tục xin cấp phép theo đúng quy định. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Thu D vẫn không thống nhất, không làm theo hướng dẫn mà làm đơn kiến nghị nhiều lần, trong đó việc bà đề nghị cấp Giấy chứng nhận diện tích nhà ở thực tế lớn hơn so với giấy chứng nhận cũ đã cấp và đề nghị cấp bổ sung tài sản là gác lững gỗ nhưng chưa được cấp có thẩm quyền cấp phép theo quy định. Vì vậy, UBND thành phố T là không có cơ sở để giải quyết.

Về nội dung liên quan đến bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị Thu D, UBND thành phố T thấy không có cơ sở nên không chấp nhận.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người bị kiện là Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ *không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện:*

Ngày 20/9/2019, bà Nguyễn Thị Thu D nộp hồ sơ đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận và đề nghị công nhận tại Trung tâm Hành chính công thành phố T và luân chuyển đến Chi nhánh ngày 23/9/2019. Chi nhánh Văn phòng Đ đã kiểm tra, rà soát hồ sơ, tài liệu có liên quan và phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T và UBND phường A kiểm tra hiện trạng, đo đạc thực tế diện tích công trình xây dựng nhà của bà Nguyễn Thị Thu D thì hiện trạng nhà ở của bà có 01 tầng, diện tích xây dựng là 68,17 m^2. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Thu D đề nghị công nhận bổ sung diện tích phần gác lửng (sàn gỗ) và diện tích xây dựng công trình nhà ở nhưng Phòng Quản lý đô thị thành phố T trả lời là chưa có cơ sở thực hiện tại Công văn số 109/QLĐT ngày 29/4/2021.

Nội dung liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận của bà Nguyễn Thị Thu D đã được Chi nhánh Văn phòng Đ hướng dẫn tại Phiếu hướng dẫn số 654/PHD-CNVPĐK ngày 07/12/2020 và Công văn số 125/CV-VPĐK ngày 10/5/2021. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Thu D không thực hiện và bổ sung hồ sơ theo đúng quy định. Do vậy, Chi nhánh Văn phòng Đ chưa có cơ sở tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận của bà Nguyễn Thị Thu D.

Đối với nội dung khởi kiện buộc Văn phòng Đ và UBND thành phố T bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị Thu D: Văn phòng Đ thấy rằng việc tiếp nhận giải quyết hồ sơ đề nghị cấp bổ sung tài sản là thủ tục hành chính thông thường, khi công dân nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định thì cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét giải quyết hồ sơ theo quy định. Đối với hồ sơ đề nghị cấp bổ sung tài sản của bà Nguyễn Thị Thu D không đảm bảo quy định và đã được Chi nhánh Văn phòng Đ, Văn phòng Đ hướng dẫn theo quy định, nhưng bà D đã không thực hiện theo hướng dẫn. Do vậy, việc bà D yêu cầu Văn phòng Đ và UBND thành phố T bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị Thu D là không có cơ sở.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 119/2023/HC-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 115; khoản 3 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Điều 31 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

[1] Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu D về việc:

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T và Văn phòng Đ giải quyết hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 27, địa chỉ: số A L, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam cho bà Nguyễn Thị Thu D theo đúng quy định của pháp luật;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T và Văn phòng Đ bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị Thu D với số tiền: 20.239.730.302 đồng (*Hai mươi tỷ, hai trăm ba mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi nghìn ba trăm lẻ ba đồng*).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/9/2023, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Thu D kháng cáo toàn bộ nội dung bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bà Nguyễn Thị Thu D giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu D là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo bà Nguyễn Thị Thu D là trong thời hạn và đúng quy định tại của Luật Tố tụng hành chính do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu D.

[2.1] *Về nội dung buộc* Ủy ban nhân dân thành phố T *và* Văn phòng Đ *giải quyết hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 27, địa chỉ:* số A L, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam *cho bà* Nguyễn Thị Thu D*:*

- *Về thẩm quyền giải quyết việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất:*

Bà Nguyễn Thị Thu D có đơn đề nghị các cơ quan có thẩm quyền cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 846399 Ngày 12/02/2008 của UBND thành phố T, tỉnh Quảng Nam cấp cho bà Nguyễn Thị Tân t đất số 127, tờ bản đồ số 27 (nay là thửa đất số 85, tờ bản đồ số 18 theo Dự án XDHSĐC và

CSDL đất đai), tại Khu dân cư D căn hộ, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, đã chỉnh lý biến động sang cho bà ngày 29/5/2019.

Do đó, Theo quy định tại khoản 3 Điều 76 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai thì thẩm quyền giải quyết việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu D thuộc Văn phòng Đ.

- Về việc giải quyết hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thấy: Diện tích xây dựng nhà hiện tại của bà Nguyễn Thị Thu D là 68,17m^2; diện tích xây dựng tại thời điểm bà Nguyễn Thị Thu D nhận chuyển nhượng là 70,48m^2; diện tích bà D yêu cầu cấp đổi là 80m^2 tăng so với thời điểm bà nhận chuyển nhượng là 9,52m^2 (80 m^2 – 70,48m^2) nhưng không có giấy tờ được cơ quan có thẩm quyền xác nhận đối với phần diện tích tăng. Do đó, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T và Văn phòng Đ không giải quyết hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 127 nêu trên cho bà Nguyễn Thị Thu D mà hướng dẫn bà D liên hệ cơ quan quản lý nhà ở (Phòng Quản lý đô thị thành phố T) để được hướng dẫn thủ tục về nhà ở là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013: "*Chủ sở hữu nhà ở thuộc đối tượng được sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở và có giấy tờ chứng minh việc tạo lập hợp pháp về nhà ở thì được chứng nhận quyền sở hữu theo quy định sau đây:*

1. Hộ gia đình, cá nhân trong nước phải có một trong các loại giấy tờ sau:

Trường hợp nhà ở đã xây dựng không đúng với giấy phép xây dựng được cấp thì phải có ý kiến bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng xác nhận diện tích xây dựng không đúng giấy phép không ảnh hưởng đến an toàn công trình và nay phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt".

Phòng Quản lý đô thị thành phố T đã ban hành Công văn số 109/VPĐKĐĐ ngày 29/4/2021 về việc trả lời đơn của bà Nguyễn Thị Thu D có nội dung: Qua kiểm tra hồ sơ cấp phép xây dựng tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 27 là chưa có hồ sơ cấp phép. Do đó, việc bổ sung phần diện tích gác lửng (sàn gỗ) vào diện tích xây dựng công trình của bà D là chưa có cơ sở thực hiện, đề nghị hộ bà D liên hệ Trung tâm hành chính công thành phố để được hướng dẫn cập nhật các nội dung liên quan đến Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định. Tuy nhiên, sau khi nhận được văn bản này bà D vẫn không

thực hiện theo hướng dẫn xin cấp phép đối với phần diện tích tăng là 9,52m^2 (80 m^2 – 70,48m^2).

Như vậy hồ sơ để cấp đổi GCN cho bà D là chưa đầy đủ, chưa đảm bảo các quy định của pháp luật. Do đó, việc Ủy ban nhân dân thành phố T và Văn phòng Đ chưa giải quyết hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho bà D do bà D đã không thực hiện bổ sung hồ sơ đầy đủ theo quy định để cơ quan có thẩm quyền làm căn cứ cấp đổi giấy chứng nhận cho bà.

Từ những nhận định trên, xét thấy không có cơ sở để buộc Ủy ban nhân dân thành phố T và Văn phòng Đ giải quyết hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 27, địa chỉ: số A L, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam cho bà Nguyễn Thị Thu D theo đúng quy định của pháp luật.

[2.2] *Về yêu cầu buộc* Ủy ban nhân dân thành phố T *và* Văn phòng Đ *bồi thường thiệt hại cho bà* Nguyễn Thị Thu D *với số tiền: 20.239.730.302 đồng.*

Xét thấy việc UBND thành phố T và Văn phòng Đ chưa giải quyết hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 27, địa chỉ: số A L, phường A, thành phố T cho bà Nguyễn Thị Thu D là hoàn toàn do lỗi của bà D đã không thực hiện đúng theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền để hoàn tất các giấy tờ cần thiết của hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Việc bà D cho rằng hành vi hành chính không cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất, nhà và tài sản khác gắn liền với đất của Ủy ban nhân dân thành phố T và Văn phòng Đ đã gây thiệt hại 20.239.730.302 đồng cho bà D là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy Toà án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu D là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án do vậy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện,

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật kiện phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu D không được chấp nhận nên bà D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu D, giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm số 119/2023/HC-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: bà Nguyễn Thị Thu D phải chịu án phí hành chính phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã đóng theo biên lai thu số 0000029 ngày 20/11/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

3. Những quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Hợp